

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 26/01/2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đinh Thị Thanh Hải và ông Trần Văn Hùng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thái Hà -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2021/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị T, sinh năm 198X.

Bị đơn: Anh Bùi Hoài N, sinh năm 198X.

Cùng nơi ĐKKHKT: Tổ 1X, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Chỗ ở hiện tại: Tổ 1X, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:*

Chị T và anh Bùi Hoài N đăng ký kết hôn ngày 25/02/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau.... Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà nhưng

không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Bùi Hoài N.

\* Về nuôi con: Chị T và anh N có hai con chung là cháu Bùi Linh N, sinh ngày 11/01/200X và cháu Bùi Hoài A, sinh ngày 07/12/201X. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

\* Về chia tài sản, nợ chung: Chị Phùng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Hoài N biết để đến giải quyết. Tuy nhiên, anh N từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án làm việc, do đó không có bản tự khai, quan điểm, ý kiến của anh N về việc giải quyết nội dung vụ án để lưu hồ sơ.

\* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Bùi Hoài N; Về nuôi con: Giao các cháu Bùi Linh N và cháu Bùi Hoài A cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn - anh Bùi Hoài N có hộ khẩu thường trú tại tổ 1X, phường Đ, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và hiện tại anh đang sinh sống tại tổ 1X, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn - anh N vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phùng Thị T và anh Bùi Hoài N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/02/200X tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Thảo trình bày do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau... Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N đến hòa giải, nhưng anh N không đến, thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về nuôi con*: Chị T và anh N có hai con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con nhưng anh N không đến làm việc nên Tòa án không hòa giải được. Xét nguyện vọng của chị T về việc muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung, HĐXX thấy: Các cháu Bùi Linh N và Bùi Hoài A đều có nguyện vọng được ở với chị T, mặt khác, toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, anh N không hợp tác, cũng không thể hiện quan điểm, ý kiến của mình về việc nuôi con. Do đó cần giao cả hai con là các cháu N và A cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung*: Chị T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX, nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228; 238; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân

sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Bùi Hoài N.

**2. Về nuôi con:** Giao các cháu Bùi Linh N, sinh ngày 11/01/200X và cháu Bùi Hoài A, sinh ngày 07/12/201X cho chị Phùng Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Anh Bùi Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Phùng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000076 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Phùng Thị T, anh Bùi Hoài N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND p.Yên Thịnh, tp Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thủy**



**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**<sup>(6)</sup>

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà) .....

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

**- Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà).....<sup>(7)</sup>

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân**<sup>(8)</sup>..... tham gia phiên tòa:

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....<sup>(9)</sup> tại .....

xét xử sơ thẩm công khai<sup>(10)</sup> vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....<sup>(11)</sup>  
ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....<sup>(12)</sup>

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST  
ngày..... tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:<sup>(13)</sup>.....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(14)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(15)</sup> .....

2. Bị đơn:<sup>(16)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:<sup>(17)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:<sup>(18)</sup> .....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):<sup>(19)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(20)</sup> ....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(21)</sup> .....

4. Người làm chứng<sup>(22)</sup> .....

5. Người giám định:<sup>(23)</sup> .....

6. Người phiên dịch:<sup>(24)</sup> .....

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:** <sup>(25)</sup>

.....  
.....  
.....

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:** <sup>(26)</sup>

[1] .....

[2] .....

[3] .....

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào..... <sup>(27)</sup> .....

<sup>(28)</sup>.....

..... (

29)

\_\_\_\_\_